

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **142/2025/DS-ST**

Ngày: 22-8-2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi Loan

Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 376/2025/QĐST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ trụ sở: A Nam Kỳ Khởi Ng, phường Võ Thị S, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP S (Công ty S).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc T - Chức vụ: Tổng Giám đốc.
(Văn bản ủy quyền số 2535A ngày 12/10/2022).

Ông Lê Ngọc T ủy quyền lại cho ông Lê Ngọc M, sinh năm 1970; địa chỉ: Lầu X, F Nam Kỳ Khởi Ng, phường Võ Thị S, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, thành phố Hồ Chí Minh).

(Văn bản ủy quyền số 6833 ngày 30/9/2024).

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Chính H**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: D, khu phố K, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

(Ông M, ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai - người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lã Ngọc M trình bày:

Ngày 09/8/2010, ông Nguyễn Chính H ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông H, Ngân hàng đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch tổng số tiền là 67.280.913 đồng và thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 58.124.635 đồng. Tổng số tiền đã thanh toán được áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng theo thứ tự sau: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông H không có thiện chí trả nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng, nên ngày 16/10/2013 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng Thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 27.221.235 đồng (nợ gốc) sang nợ quá hạn theo Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng và tính lãi quá hạn hàng tháng trên dư nợ quá hạn, với mức lãi suất nợ quá hạn là lãi suất trong hạn $2,15\%/tháng \times 150\% = 3,225\%/tháng$.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Chính H thanh toán số tiền nợ gốc là 27.221.235 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 22/8/2025 là 127.203.794 đồng, tổng cộng là 154.425.029 đồng. Ngoài ra ông H phải tiếp tục thanh toán lãi cho Ngân hàng từ ngày 23/8/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ vay theo mức lãi suất của hợp đồng đã ký.

Do bận công việc nên ông xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa xét xử.

- Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập cho ông Nguyễn Chính H đến Tòa án

làm việc; kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng ông H vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không chấp hành theo đúng quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S. Buộc ông Nguyễn Chính H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số nợ gốc, lãi tạm tính đến ngày 22/8/2025 là 154.425.029 đồng, trong đó: nợ gốc là 27.221.235 đồng, lãi quá hạn là 127.203.794 đồng. Ngoài ra, ông H tiếp tục phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 23/8/2025 cho đến khi ông H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lã Ngọc M vắng mặt do có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Sổ hộ khẩu, Chứng M nhân dân, Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng thể hiện bị đơn ông Nguyễn Chính H có đăng ký hộ khẩu tại địa chỉ: D, khu phố K, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai). Tòa án đã thông báo và triệu tập hợp lệ cho ông H về việc thụ lý vụ án, hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nhưng ông H vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả người tham gia tố tụng.

[2] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Ngân hàng TMCP S khởi kiện ông Nguyễn Chính H phải trả toàn bộ số tiền nợ mà Ngân hàng đã cho ông H vay tiêu dùng theo Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng các bên đã ký kết. Ông H đăng ký hộ khẩu tại phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai). Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005,

Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai).

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về hiệu lực của hợp đồng tín dụng: Ngày 09/8/2010, ông Nguyễn Chính H và Ngân hàng TMCP S ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng). Hợp đồng này được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, giao dịch được thực hiện phù hợp các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại các điều 121, 122, 124, 388, 405, 471 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3.2] Về yêu cầu thanh toán tiền gốc và lãi của hợp đồng tín dụng:

Ngày 15/8/2010, Ngân hàng TMCP S cấp cho ông Nguyễn Chính H thẻ tín dụng có số thẻ: 472074-5266, số tài khoản: 3653781561, hạn mức 30.000.000 đồng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch tổng số tiền là 67.280.913 đồng và thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 58.124.635 đồng. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng, nên ngày 16/10/2013 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng Thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 27.221.235 đồng sang nợ quá hạn theo Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng và tính lãi quá hạn hàng tháng trên dư nợ quá hạn, với mức lãi suất nợ quá hạn là lãi suất trong hạn $2,15\%/tháng \times 150\% = 3,225\%/tháng$.

Tính đến ngày 22/8/2025, nợ gốc và lãi ông H còn nợ Ngân hàng là 154.425.029 đồng, trong đó: nợ gốc là 27.221.235 đồng, nợ lãi quá hạn là 127.203.794 đồng. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi đến ngày 22/8/2025 là 154.425.029 đồng và lãi suất phát sinh đối với số nợ còn lại theo lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng từ ngày 23/8/2025 đến khi tất toán khoản vay.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết tất cả các văn bản tố tụng nhưng ông H không có ý kiến phản đối và vắng mặt. Như vậy, ông H đã từ bỏ quyền tự chứng M và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ của nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án và áp dụng Điều 471, Điều 473, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông H phải trả cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền dư nợ vay đến ngày 22/8/2025 là 27.221.235 đồng, nợ lãi quá hạn là 127.203.794 đồng, tổng cộng là 154.425.029

đồng. Ngoài ra, ông H phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 23/8/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.721.251 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo quy định.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 121, 122, 124, 388, 405, 471, 473, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ các điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 100, 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm có hiệu lực ngày 15/3/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn ông Nguyễn Chính H về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Nguyễn Chính H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc là 27.221.235 đồng, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 22/8/2025 là 127.203.794 đồng, tổng cộng là 154.425.029đ (Một trăm năm mươi bốn triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn không trăm hai mươi chín đồng) và tiền lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng kể từ ngày 23/8/2025 cho đến khi ông H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Chính H phải chịu số tiền 7.721.251đ (Bảy triệu bảy trăm hai mươi một nghìn hai trăm năm mươi một đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 3.608.232đ (Ba triệu sáu trăm linh tám nghìn hai trăm ba mươi hai đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005529 ngày 14/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Đồng Nai).

3. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
THẨM

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 1 - Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 1 - Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Thị Kim Thoa